

Số: /BC-BQP

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

DỰ THẢO 2**BÁO CÁO****Đánh giá tác động của chính sách
Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt**

Kính gửi: Chính phủ.

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**1. Bối cảnh xây dựng chính sách****1.1. Bối cảnh quốc tế, khu vực liên quan đến các chính sách**

Hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; cục diện đa cực ngày càng rõ nét. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng gặp nhiều trở ngại, thách thức; chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng¹, xung đột cục bộ, sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên làm gia tăng căng thẳng trong quan hệ quốc tế. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia.

Trong những năm gần đây, thế giới có những biến động lớn như: Đại dịch Covid-19, xung đột Nga-Ukraine, Isarel-Hamas, Isarel-Iran, căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên... với nhiều diễn biến phức tạp, khó lường tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến tình hình an ninh chính trị thế giới. Cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) trở thành con bài chính trị, vũ khí răn đe của nhiều quốc gia. Trong bối cảnh các cơ chế kiểm soát WMD bị suy yếu do mâu thuẫn chính trị giữa các quốc gia ngày càng sâu sắc, nhiều quốc gia tiếp tục tìm cách sở hữu, nghiên cứu, phát triển, hiện đại hoá vũ khí hạt nhân; nhiều tổ chức khủng bố vẫn luôn tìm cách tiếp cận, sở hữu các loại WMD bằng nhiều cách thức, thủ đoạn. Các hoạt động liên quan đến phổ biến WMD tiếp tục diễn ra phức tạp với nhiều hình thức khác nhau trên thế giới. Đặc biệt là những thành tựu khoa học, công nghệ trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: Trí tuệ nhân tạo, robot thông minh, công nghệ điện toán đám mây, vật liệu tiên tiến, in 3D, công nghệ gen thế hệ mới, sinh học tổng hợp...

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, t. I, tr. 105, 106

đang tạo ra những thách thức mới trong phòng, chống phổ biến WMD. Các hoạt động tài trợ phổ biến WMD cũng đang ngày càng trở nên tinh vi hơn thông qua sự phát triển của công nghệ tiên kỹ thuật số (ví dụ như Bitcoin...), ví điện tử...

Ngoài ra, việc sản xuất, mua bán, vận chuyển các vật liệu, công nghệ và thiết bị lưỡng dụng (hàng hóa lưỡng dụng)² ở một số quốc gia và khu vực trên thế giới vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ làm nảy sinh những nguy cơ mất an ninh nếu các hàng hóa lưỡng dụng được sử dụng vào mục đích nghiên cứu, sản xuất và phát triển WMD.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương có vị trí trọng yếu trên thế giới, tiếp tục là động lực quan trọng của kinh tế toàn cầu, song tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định do cạnh tranh chiến lược, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên. Hiện nay đã và đang có những cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong khu vực dẫn đến các nguy cơ an ninh mới, đe dọa tới lợi ích, thậm chí là sự tồn vong của một số quốc gia; làm thúc đẩy quá trình chạy đua vũ trang và xu hướng hình thành các liên kết an ninh, quân sự mới. Sự gia tăng căng thẳng giữa các lực lượng đối lập có thể dẫn đến những nguy cơ phổ biến WMD nhằm tăng cường khả năng sẵn sàng chiến lược ở châu Á - Thái Bình Dương. Những quốc gia sở hữu WMD mà cụ thể là vũ khí hạt nhân, đa số đều nằm trong hoặc có lợi ích chiến lược trực tiếp và có sự hiện diện quân sự ở châu Á-Thái Bình Dương. Tình hình Biển Đông diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, đe dọa nghiêm trọng đến hoà bình, ổn định trong khu vực.

Khu vực ASEAN, trong đó Việt Nam là quốc gia thành viên, có quan điểm khá đồng nhất về phòng, chống phổ biến WMD, nhiều quốc gia như Singapore, Thái Lan đã có luật về phòng, chống phổ biến WMD. Ngay trong Hiến chương ASEAN cũng có quy định về xây dựng ASEAN là một khu vực không có vũ khí hạt nhân và các loại WMD khác³. Bên cạnh đó, các quốc gia ASEAN phần lớn đều tham gia các hiệp ước, công ước về chống phổ biến WMD như: Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT), Công ước vũ khí hóa học (CWC), Công ước vũ khí sinh học (BWC)... Điều đó cho thấy, các quốc gia ASEAN rất mong muốn ngăn chặn việc phổ biến các loại vũ khí này trong phạm vi khu vực và quốc tế.

1.2. Bối cảnh trong nước liên quan đến các chính sách

1.2.1. Chính trị

Việt Nam luôn nhất quán nguyên tắc không phổ biến WMD; tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác, bảo đảm minh bạch trong việc sử dụng các vật liệu hạt nhân, tác nhân sinh học, hóa học vì mục đích

² Vật liệu, công nghệ và thiết bị lưỡng dụng là vật liệu, công nghệ và thiết bị có thể dùng cho mục đích dân sự hoặc sản xuất, buôn bán, vận chuyển và các hoạt động khác liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

³ Khoản 3 Điều 1 Các mục tiêu, Hiến chương của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

hòa bình. Việt Nam luôn tạo điều kiện phát triển các sáng kiến nhằm ngăn chặn việc nghiên cứu, phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng WMD; nghiêm cấm mọi hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến WMD; sử dụng đồng bộ các biện pháp để tổ chức phòng, chống phổ biến WMD; tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống phổ biến WMD.

Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam là nhất quán và thống nhất trong phòng, chống phổ biến WMD. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo điều hành thực thi nghiêm túc và hiệu quả các điều ước quốc tế liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD mà Việt Nam là thành viên, các nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc liên quan đến phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động phổ biến và tài trợ phổ biến WMD.

1.2.2. Kinh tế-xã hội

Việt Nam tiếp tục chuyển biến tích cực, cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát đề ra và nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Tăng trưởng kinh tế từng bước phục hồi và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, những năm gần đây, Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương với các quốc gia, tổ chức quốc tế như Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)... Điều này một mặt thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Việt Nam, mặt khác cũng dẫn đến việc xuất, nhập khẩu khối lượng hàng hóa khá lớn, đa dạng về chủng loại và tính chất các mặt hàng. Việc xuất nhập khẩu như vậy đã và đang đặt ra những thách thức trong việc kiểm soát hàng hóa, vật liệu và công nghệ lưỡng dụng cho mục đích phổ biến và tài trợ phổ biến WMD. Bên cạnh đó, với nguồn lực ngân sách nhà nước còn hạn chế nên việc đầu tư cùng một lúc cho các lực lượng về phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng trong thực hiện nhiệm vụ như các tàu tuần tra trên biển, hệ thống kiểm soát an ninh trên bộ chưa được đầy đủ và nâng cấp kịp thời các công nghệ mới, hiện đại cũng làm giảm hiệu quả của việc triển khai thực hiện các điều ước quốc tế, các nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc về chống phổ biến WMD.

1.2.3. Pháp lý

Ngày 11/11/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (Nghị định số 81/2019/NĐ-CP). Việc ban hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP đã bước đầu xây dựng được khung pháp lý cơ bản cho hoạt động phòng, chống phổ biến WMD và là cơ sở

pháp lý quan trọng cho việc thực hiện các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong lĩnh vực này.

Qua 05 năm thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP, hoạt động phòng, chống phổ biến WMD đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, như:

- Nâng cao nhận thức, năng lực của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến WMD.

- Bước đầu hoàn thiện tổ chức của cơ quan đầu mối quốc gia, cơ quan đầu mối trong phòng, chống phổ biến WMD, cơ chế thực hiện các nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, đưa ra các nguyên tắc pháp lý và các cơ chế phát hiện hoạt động tài trợ phổ biến WMD.

- Bước đầu phân định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hoạt động phòng, chống phổ biến WMD góp phần ổn định tình hình an ninh, an toàn xã hội và kiểm soát mua bán, sử dụng, vận chuyển các hàng hóa lưỡng dụng của Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn triển khai Nghị định số 81/2019/NĐ-CP cũng đã bộc lộ một số hạn chế, như sau:

(1) Nghị định số 81/2019/NĐ-CP chưa có các quy định cụ thể về các hành vi bị cấm trong hoạt động phòng, chống phổ biến WMD và việc xử lý các hành vi này như thế nào. Việc thiếu các quy định mang tính nguyên tắc về các hành vi bị cấm liên quan đến việc phòng, chống phổ biến WMD đã hạn chế việc thực thi và xử lý các cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD. Còn thiếu một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến WMD, điều này dẫn đến những bất cập trong cách hiểu và triển khai các quy định pháp luật liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD.

(2) Các quy định về phòng ngừa, chống phổ biến WMD hiện hành mới chỉ quy định mang tính nguyên tắc và chung cho các loại WMD. Tuy nhiên, mỗi loại WMD có tính chất, khả năng gây thiệt hại về cơ sở vật chất, môi trường, con người và mức độ nguy hiểm cũng khác nhau. Do vậy, việc thiếu các quy định mang tính đặc thù đối với hoạt động phòng, chống phổ biến đối với từng loại WMD cũng như kiểm soát việc sử dụng vật liệu và công nghệ lưỡng dụng có thể sử dụng nhằm mục đích nghiên cứu, sản xuất từng loại WMD cũng dẫn đến những bất cập trong áp dụng pháp luật như không đánh giá được mức độ nguy hiểm, tính chất của từng loại WMD, áp dụng các biện pháp kiểm soát quá chặt chẽ làm tăng chi phí tuân thủ và thực thi pháp luật từ đó làm giảm hiệu quả và tính khả thi của pháp luật về hoạt động này, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

(3) Nghị định số 81/2019/NĐ-CP mới chỉ dừng lại ở các quy định chung đối với hàng hóa lưỡng dụng; chưa có quy định cụ thể danh sách hàng hóa lưỡng

dụng cần kiểm soát, quy định về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong kiểm soát các hàng hóa lưỡng dụng trong quá trình vận chuyển, xuất khẩu, mua bán, môi giới, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật đối với việc cung cấp và sử dụng các mặt hàng này. Trong khi đó, thực tế việc nhập khẩu, sản xuất và vận chuyển các hàng hóa lưỡng dụng tiềm ẩn nhiều nguy cơ dẫn đến việc phổ biến WMD. Do vậy, đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong phòng ngừa, kiểm soát nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến WMD.

(4) Các thủ tục hành chính liên quan đến cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD, kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng, về phát hiện tài trợ hoạt động phổ biến WMD, quản lý danh sách các tổ chức, cá nhân liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến WMD vẫn còn thiếu và chưa được quy định cụ thể trong Nghị định số 81/2019/NĐ-CP.

(5) Công tác thanh tra, kiểm tra về phòng, chống phổ biến WMD tại các cấp các ngành chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục và có hiệu quả. Các quy định về thanh tra, kiểm tra, trong phòng, chống phổ biến WMD trong Nghị định số 81/2019/NĐ-CP còn chưa cụ thể nên làm hạn chế kết quả thực hiện trong triển khai các quy định pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD.

(6) Một số quy định của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP chưa phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong thời gian qua liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD như Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022, Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp năm 2024, Luật Thanh tra năm 2022. Việc này đã dẫn đến yêu cầu phải ban hành luật về phòng, chống phổ biến WMD để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu chung

Ban hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt nhằm hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất, đồng bộ, khả thi cho tổ chức, hoạt động và quản lý về phòng, chống phổ biến WMD; bảo đảm sự phù hợp với yêu cầu của thực tiễn hoạt động phòng, chống phổ biến WMD đáp ứng tốt yêu cầu về quản lý hoạt động nghiên cứu, sản xuất, mua bán hàng hóa lưỡng dụng, tác nhân sinh học, hóa chất băng, vật liệu hạt nhân và phóng xạ cho mục đích dân sự và quân sự phục vụ quốc phòng-an ninh trên cơ sở tuân thủ các cam kết quốc tế của Việt Nam, ngăn cấm việc sử dụng các mặt hàng này vào hoạt động phổ biến WMD; phát hiện và xử lý kịp thời các hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến WMD; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trong hoạt động phòng,

chống phổ biến WMD; tăng cường vị thế của Việt Nam trong quan hệ với các quốc gia, tổ chức quốc tế, tránh bị áp đặt các biện pháp trừng phạt, kiểm soát và bị hạn chế trong các giao dịch kinh tế, tài chính; xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với các điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc về phòng, chống phổ biến WMD.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định cụ thể, bổ sung các khái niệm liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD, phạm vi các hoạt động phòng, chống phổ biến WMD và chủ thể tham gia thực hiện hoạt động này.

- Kế thừa các quy định của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP và khắc phục những bất cập, thiếu hụt trong các quy định hiện hành về phòng, chống phổ biến WMD như: Quy định về thủ tục liên quan đến cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD, kiểm soát biên giới, kiểm soát xuất khẩu, thực thi và nội luật hóa các quy định trong các điều ước quốc tế liên quan đến vũ khí hóa học, sinh học và hạt nhân; quy định cụ thể các hành vi bị cấm và làm rõ hơn các trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong hoạt động phòng, chống phổ biến WMD, quy định cụ thể hơn về phát hiện, báo cáo các hoạt động tài trợ phổ biến WMD, thanh tra, kiểm tra, cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống phổ biến WMD và khắc phục các bất cập khác phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP.

- Bảo đảm sự phù hợp với chuẩn mực, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các yêu cầu khác của các tổ chức quốc tế có liên quan về phòng, chống phổ biến WMD đặc biệt là việc thực hiện kiểm soát biên giới, kiểm soát xuất khẩu; từ đó, tránh được các hậu quả về kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế có thể phát sinh trong trường hợp đối với nước được coi là có thiếu vắng các quy định pháp luật, chính sách cơ bản về cơ chế phòng, chống phổ biến WMD.

- Bảo đảm sự phù hợp với các chủ trương, định hướng lớn của Đảng trong phòng, chống phổ biến WMD; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Định hướng quản lý phòng, chống phổ biến WMD trên cơ sở đánh giá rủi ro về phổ biến, tài trợ phổ biến WMD để lựa chọn phương án quản lý chặt chẽ nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực về tài chính, ngân sách, nhân lực của cơ quan quản lý nhà nước, của xã hội trong giảm thiểu rủi ro, nguy hiểm của WMD. Áp dụng các quy định quản lý có mức độ chặt chẽ phù hợp với các loại hàng hóa lưỡng dụng có mức rủi ro khác nhau một cách đồng bộ trong toàn bộ các khâu từ khâu nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng và thải bỏ.

- Nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh, quốc phòng và làm cơ sở để bổ sung các tội phạm liên quan đến phổ biến WMD trong Bộ luật Hình sự; tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống phổ biến WMD.

- Thúc đẩy quá trình hợp tác quốc tế về phòng chống, phổ biến WMD cũng như xây dựng hành lang pháp lý cho việc mua bán, trao đổi, sử dụng các hàng hóa lưỡng dụng vì mục đích hòa bình và bảo vệ sức khỏe, từ đó thu hút các nguồn vốn tín dụng ưu đãi của nước ngoài cho việc phát triển kinh tế, xã hội, do các tổ chức tài chính quốc tế đánh giá cao những nỗ lực của Việt Nam trong phòng, chống phổ biến WMD.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Xây dựng khung pháp lý thống nhất về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật hiện hành, trọng tâm là Nghị định số 81/2019/NĐ-CP và các văn bản có liên quan; không ban hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành, do đó không phát sinh yêu cầu lập pháp mới. Tuy nhiên, phương án này tiếp tục duy trì tình trạng các quy định pháp luật phân tán, hiệu lực pháp lý chưa cao, thiếu tính ổn định và chưa đáp ứng yêu cầu điều chỉnh toàn diện một lĩnh vực đặc thù, nhạy cảm liên quan trực tiếp đến quốc phòng, an ninh quốc gia và hội nhập quốc tế.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Không phát sinh chi phí lập pháp trong ngắn hạn nhưng tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội nếu xảy ra các sự cố liên quan đến phổ biến WMD hoặc nếu Việt Nam không đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế, Việt Nam có khả năng bị hạn chế trong việc tiếp cận các ưu đãi và chính sách về tín dụng, bị áp dụng các biện pháp trừng phạt về kinh tế khi không có cơ chế thực thi đầy đủ đối với các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD.

- Tác động về giới: Không tạo ra sự phân biệt trực tiếp về giới. Tuy nhiên, do không nâng cao được hiệu quả phòng ngừa rủi ro xã hội, phương án giữ nguyên không tối ưu trong việc bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương, yếu thế trong xã hội, bao gồm: phụ nữ, trẻ em trong các tình huống liên quan đến rủi ro về an ninh, môi trường.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới. Tuy nhiên, tình trạng chồng chéo, phân tán và thiếu thống nhất trong

các quy định quản lý hiện nay còn bất cập gây khó khăn cho cả cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện.

b) Giải pháp 2: Thiết lập khung pháp lý thống nhất ở cấp luật để điều chỉnh toàn diện, thống nhất lĩnh vực phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Góp phần tạo cơ sở pháp lý để khắc phục tình trạng các quy định hiện hành còn phân tán, được điều chỉnh chủ yếu bằng văn bản dưới luật, thiếu tính ổn định và chưa đáp ứng yêu cầu điều chỉnh toàn diện đối với một lĩnh vực đặc thù, nhạy cảm liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và nghĩa vụ quốc tế. Thông qua việc ban hành luật chuyên ngành, các quy định về nguyên tắc quản lý, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, cũng như quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sẽ được hệ thống hóa, chuẩn hóa và thống nhất. Đồng thời, chính sách này tạo điều kiện nội luật hóa đầy đủ các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế của Việt Nam về không phổ biến và tài trợ phổ biến WMD, bảo đảm sự tương thích giữa pháp luật trong nước và pháp luật quốc tế. Qua đó, góp phần nâng cao tính minh bạch, tính khả thi và hiệu lực thi hành của pháp luật, tăng cường kỷ cương pháp luật và hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Về kinh tế: Góp phần hình thành môi trường pháp lý ổn định, minh bạch và có khả năng dự báo, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến vật liệu, thiết bị, công nghệ lưỡng dụng và các ngành nghề có nguy cơ liên quan đến WMD. Việc quy định rõ ràng, thống nhất giúp giảm chi phí tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro pháp lý phát sinh do áp dụng các quy định chồng chéo, thiếu thống nhất như hiện nay.

+ Về xã hội: Có tác động tích cực trong việc phòng ngừa, ngăn chặn các nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe cộng đồng, môi trường sống và trật tự, an toàn xã hội. Chính sách góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước, tăng cường phối hợp liên ngành, qua đó bảo đảm an ninh, an toàn xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với vai trò quản lý, điều hành của nhà nước, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Tác động về giới: Xây dựng khung pháp lý thống nhất về phòng, chống phổ biến WMD không làm phát sinh sự phân biệt đối xử về giới, do các quy định của chính sách được xây dựng và áp dụng thống nhất đối với mọi tổ chức, cá nhân, không phân biệt giới tính. Tuy nhiên, xét về tác động gián tiếp, chính sách có tác động tích cực về giới, bởi việc phòng ngừa và kiểm soát hiệu quả các nguy cơ liên quan đến WMD góp phần giảm thiểu khả năng xảy ra các thảm họa

an ninh, môi trường và y tế, những rủi ro thường tác động nặng nề hơn đến phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế. Do đó, chính sách phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới và phát triển bền vững.

- Tác động của thủ tục hành chính: Việc ban hành khuôn khổ pháp lý thống nhất có thể dẫn đến việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và chuẩn hóa một số thủ tục hành chính liên quan đến quản lý, kiểm soát hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, nghiên cứu, sản xuất, lưu thông và sử dụng các vật liệu, thiết bị, công nghệ có nguy cơ liên quan đến WMD. Trong giai đoạn đầu, một số tổ chức, cá nhân có thể phát sinh nghĩa vụ kê khai, báo cáo hoặc xin cấp phép theo quy định mới. Tuy nhiên, về dài hạn, chính sách góp phần đơn giản hóa, minh bạch hóa và thống nhất thủ tục hành chính, thay thế tình trạng nhiều thủ tục phân tán, thiếu liên thông hiện nay. Việc xác định rõ thẩm quyền, trình tự, thời hạn giải quyết và trách nhiệm của cơ quan nhà nước sẽ giúp giảm chi phí tuân thủ, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời tạo điều kiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước.

c) Giải pháp 3: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2019/NĐ-CP theo hướng tiếp tục sử dụng nghị định là văn bản pháp lý điều chỉnh, quản lý về hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, không ban hành luật

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này chỉ cho phép điều chỉnh trong phạm vi thẩm quyền của nghị định, không đủ cơ sở pháp lý để thiết lập khuôn khổ pháp lý thống nhất ở cấp luật như yêu cầu của Chính sách 1.

Mặt khác, không thể quy định đầy đủ các nguyên tắc chung, cơ chế quản lý liên ngành và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan; tiếp tục duy trì trạng thái các quy định phân tán ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau; hạn chế khả năng nội luật hóa đầy đủ các điều ước quốc tế và Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc do giới hạn về hiệu lực pháp lý của nghị định.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Trong ngắn hạn, giải pháp này không làm phát sinh chi phí tuân thủ đối với Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Tuy nhiên, do không hình thành được khuôn khổ pháp lý thống nhất, nguy cơ mất an ninh, an toàn xã hội và rủi ro bị lợi dụng trong các hoạt động hợp pháp khác vẫn tồn tại ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường phát triển bền vững; không tạo được nền tảng pháp lý ổn định, lâu dài cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và hội nhập quốc tế.

- Tác động về giới: Giải pháp này không có tác động về giới. Tuy nhiên, hiệu quả phòng ngừa rủi ro xã hội còn hạn chế nên không tạo được tác động tích cực gián tiếp đến bảo đảm an sinh và an toàn cho các nhóm xã hội.

- Tác động của thủ tục hành chính: Việc sửa đổi nghị định có thể điều chỉnh cục bộ một số thủ tục, không đủ điều kiện để chuẩn hóa, thống nhất và đơn giản hóa thủ tục hành chính trên phạm vi toàn quốc. Tiếp tục tồn tại tình trạng phân tán, áp dụng khác nhau giữa các lĩnh vực và cơ quan quản lý gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện.

1.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Trên cơ sở đánh giá tổng thể các tác động nêu trên, lựa chọn giải pháp 2 là phù hợp và cần thiết. *Với lý do:*

Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có khung pháp lý thống nhất ở cấp luật để điều chỉnh toàn diện các hoạt động phòng, chống phổ biến WMD. Các quy định liên quan đang được quy định rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau thuộc các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, thương mại, hải quan, năng lượng nguyên tử, hóa chất, khoa học - công nghệ và phòng, chống rửa tiền, trong đó văn bản chuyên ngành là Nghị định số 81/2019/NĐ-CP.

Việc điều chỉnh bằng văn bản dưới luật dẫn đến hiệu lực pháp lý chưa cao, thiếu tính ổn định và khó bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện. Một số nội dung mang tính nguyên tắc, liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước; cơ chế phối hợp liên ngành và thực hiện nghĩa vụ quốc tế chưa được quy định ở cấp luật, gây khó khăn trong áp dụng và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh nguy cơ phổ biến và tài trợ phổ biến WMD ngày càng gia tăng với nhiều hình thức mới, phức tạp, việc thiếu một đạo luật chuyên ngành làm hạn chế khả năng phòng ngừa từ sớm, từ xa; ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước, cũng như việc thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Chính sách 1 hướng tới các mục tiêu cụ thể sau đây: (i) Thiết lập khung pháp lý thống nhất ở cấp luật để điều chỉnh toàn diện hoạt động phòng chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD; (ii) Khắc phục tình trạng quy định pháp luật phân tán, hiệu lực pháp lý chưa cao; nâng cao tính thống nhất, minh bạch và khả thi của hệ thống pháp luật; (iii) Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ phổ biến WMD; (iv) Bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam theo điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

2. Chính sách 2: Quản lý, kiểm soát các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

2.1. Đánh giá tác động

a) *Giải pháp 1: Tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật hiện hành và Nghị định số 81/2019/NĐ-CP, trong đó việc quản lý các hoạt động có nguy cơ*

dẫn đến phổ biến WMD được giao cho các bộ, ngành theo chức năng quản lý chuyên ngành

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành nhưng tiếp tục duy trì tình trạng thiếu thống nhất, khó áp dụng trong thực tiễn và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nội luật hóa các điều ước quốc tế có liên quan.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Trong ngắn hạn, giải pháp này không làm phát sinh chi phí tuân thủ mới cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, về dài hạn, việc thiếu cơ chế quản lý rủi ro thống nhất có thể dẫn đến nguy cơ lợi dụng hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp cho mục đích phổ biến WMD gây hậu quả nghiêm trọng về an ninh, môi trường và kinh tế - xã hội.

- Tác động về giới: Không có tác động trực tiếp đến bình đẳng giới. Tuy nhiên, việc không kiểm soát hiệu quả các nguy cơ liên quan đến hóa chất, sinh học và bức xạ có thể ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và môi trường sống, tác động gián tiếp đến phụ nữ, trẻ em nhóm chịu ảnh hưởng lớn trong các sự cố về môi trường, y tế.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới, nhưng tiếp tục duy trì nhiều đầu mối quản lý, quy trình khác nhau gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân trong việc tuân thủ, đồng thời làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước.

b) Giải pháp 2: Quy định cụ thể, thống nhất ở cấp luật về cơ chế quản lý, kiểm soát của nhà nước các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Có tác động trực tiếp đến việc hoàn thiện pháp luật theo hướng quản lý dựa trên rủi ro, phù hợp với thông lệ quốc tế trong lĩnh vực không phổ biến WMD. Việc quy định thống nhất trong Luật các hoạt động có nguy cơ, danh mục kiểm soát, cơ chế cấp phép, giám sát và trách nhiệm tuân thủ của tổ chức, cá nhân sẽ khắc phục tình trạng các quy định hiện hành còn rời rạc, thiếu liên kết và chưa được thiết kế theo chu trình quản lý đầy đủ. Chính sách tạo cơ sở pháp lý để thiết lập cơ chế kiểm soát xuyên suốt, từ nghiên cứu, sản xuất đến lưu thông, xuất khẩu, nhập khẩu và chuyển giao công nghệ, qua đó nâng cao hiệu lực kiểm soát nhà nước và khả năng phát hiện sớm các nguy cơ bị lợi dụng cho mục đích phổ biến WMD.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Về kinh tế, trong giai đoạn đầu thực hiện, một số doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực nhạy cảm có thể phải gia tăng chi phí tuân thủ (chi phí xin cấp phép, báo cáo, điều chỉnh quy trình nội bộ...). Tuy nhiên, về lâu dài, việc quản lý

minh bạch, dựa trên rủi ro giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong tuân thủ pháp luật, giảm rủi ro pháp lý và tạo môi trường đầu tư ổn định, dự báo được.

+ Về xã hội, chính sách góp phần phòng ngừa các nguy cơ đe dọa an toàn cộng đồng và môi trường, đồng thời nâng cao năng lực của Nhà nước trong quản lý các hoạt động công nghệ cao, phức tạp, có tính lưỡng dụng, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học - công nghệ gắn với bảo đảm an ninh quốc gia.

- Tác động về giới: Không có tác động trực tiếp đến bình đẳng giới. Tuy nhiên, việc kiểm soát hiệu quả các nguy cơ liên quan đến WMD góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường sống, mang lại lợi ích gián tiếp, bền vững cho cả nam và nữ, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương (phụ nữ, trẻ em).

- Tác động của thủ tục hành chính: Có thể làm phát sinh hoặc điều chỉnh một số thủ tục hành chính liên quan đến cấp phép, kiểm tra, giám sát và báo cáo. Tuy nhiên, các thủ tục này được thiết kế theo hướng quản lý có trọng tâm, trọng điểm, áp dụng khác nhau theo mức độ rủi ro, qua đó hạn chế việc áp dụng thủ tục tràn lan, không cần thiết và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

c) Giải pháp 3: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung, làm rõ hơn phạm vi quản lý các hoạt động có nguy cơ, cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; không ban hành luật

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chỉ cho phép điều chỉnh cục bộ trong phạm vi nghị định, không hình thành được cơ chế quản lý, kiểm soát rủi ro tổng thể và thống nhất. Không đủ cơ sở pháp lý để ban hành danh mục kiểm soát thống nhất hoặc cơ chế cấp phép xuyên suốt các khâu nghiên cứu, sản xuất, lưu thông, xuất nhập khẩu và chuyển giao công nghệ. Hạn chế việc nội luật hóa đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế theo các điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về không phổ biến WMD.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Không làm phát sinh chi phí tuân thủ lớn trong ngắn hạn. Tuy nhiên, việc thiếu cơ chế kiểm soát thống nhất làm gia tăng nguy cơ bị lợi dụng các hoạt động kinh tế, khoa học, công nghệ hợp pháp cho mục đích phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Về dài hạn, có thể ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, uy tín quốc gia và phát triển bền vững.

- Tác động về giới: Không phát sinh tác động phân biệt giới. Tuy nhiên, do hiệu quả phòng ngừa rủi ro còn hạn chế, tác động tích cực gián tiếp đến bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường sống về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chỉ có thể điều chỉnh, bổ sung thủ tục trong phạm vi từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành. Không khắc phục được tình trạng thủ tục hành chính phân tán, thiếu thống nhất, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện.

2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Trên cơ sở đánh giá tổng thể các tác động nêu trên, lựa chọn giải pháp 2 là phù hợp, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, kiểm soát rủi ro phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong bối cảnh mới. *Với lý do:*

Thực tiễn rà soát các văn bản pháp luật liên quan và thi hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP cho thấy, các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến WMD hiện đang được điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật khác nhau, thuộc các lĩnh vực chuyên ngành như: Quản lý hóa chất, sinh học, năng lượng nguyên tử, thương mại, xuất nhập khẩu, khoa học - công nghệ, phòng, chống rửa tiền. Tuy nhiên, các quy định này còn mang tính phân tán, thiếu sự liên kết và chưa được thiết kế trên cơ sở tiếp cận rủi ro tổng thể. Đặc biệt, đối với các hàng hóa, vật liệu, thiết bị và công nghệ lưỡng dụng, tức là các đối tượng vừa có mục đích sử dụng dân sự, vừa có thể bị lợi dụng cho mục đích nghiên cứu, chế tạo, phát triển hoặc phổ biến WMD, pháp luật hiện hành chưa có danh mục kiểm soát thống nhất và cơ chế quản lý xuyên suốt từ khâu nghiên cứu, sản xuất, lưu thông đến xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển và chuyển giao công nghệ.

Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ hóa học tiên tiến, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ tài chính, đã làm gia tăng nguy cơ lợi dụng các hoạt động hợp pháp để phục vụ mục đích phổ biến WMD và tài trợ phổ biến WMD. Trong khi đó, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc chia sẻ thông tin, đánh giá rủi ro và kiểm soát các hoạt động này còn chưa thực sự hiệu quả.

Những hạn chế nêu trên đặt ra yêu cầu cần thiết phải xây dựng một chính sách mang tính hệ thống, tập trung vào quản lý, kiểm soát các hoạt động có nguy cơ, trên cơ sở tiếp cận phòng ngừa, kiểm soát rủi ro từ sớm, từ xa.

Chính sách 2 hướng tới các mục tiêu cụ thể sau đây: (i) Thiết lập cơ chế quản lý, kiểm soát thống nhất đối với các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế; (ii) Nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; (iii) Bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, không gây cản trở không cần thiết đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

3. Chính sách 3: Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật và hợp tác quốc tế về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

3.1. Đánh giá tác động

a) *Giải pháp 1: Tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật hiện hành, Nghị định số 81/2019/NĐ-CP về cơ chế tổ chức thực hiện và hợp tác quốc tế hiện hành*

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành, tiếp tục thực hiện các quy định về tổ chức thực hiện và hợp tác quốc tế trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo Nghị định số 81/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc duy trì cơ chế hiện hành không phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật ở cấp luật.

Tuy nhiên, qua rà soát cho thấy, các quy định hiện hành còn phân tán, chưa xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của từng cơ quan trong toàn bộ chu trình phòng, chống phổ biến WMD; thiếu cơ chế phối hợp liên ngành mang tính bắt buộc; chưa có quy định đầy đủ về giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Do đó, phương án này chưa khắc phục được các hạn chế, bất cập đã được chỉ ra trong báo cáo rà soát và báo cáo đánh giá tác động.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Không phát sinh chi phí ngân sách mới trong ngắn hạn. Tuy nhiên, về dài hạn, việc không khắc phục được các bất cập trong tổ chức thực hiện và hợp tác quốc tế có thể dẫn đến những hệ quả tiêu cực về kinh tế - xã hội nếu xảy ra sự cố liên quan đến phổ biến WMD hoặc nếu Việt Nam bị đánh giá chưa đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới. Tuy nhiên, hiệu quả phòng ngừa thấp làm giảm khả năng bảo vệ môi trường sống an toàn cho các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó có trẻ em và phụ nữ.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh mới về thủ tục hành chính nhưng thiếu cơ chế phối hợp thống nhất, dẫn đến thực hiện kém hiệu quả, phụ thuộc vào nhiều cơ chế quản lý hành chính.

b) Giải pháp 2: Quy định đầy đủ, chi tiết ở cấp luật về cơ chế tổ chức thực hiện và hợp tác quốc tế

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Có tác động quyết định đến khả năng thực thi hiệu quả của toàn bộ hệ thống pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD. Việc quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền, cơ chế phối hợp, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong luật giúp khắc phục tình trạng thiếu rõ ràng, thiếu ràng buộc pháp lý trong tổ chức thực hiện hiện nay. Luật hóa cơ chế hợp tác quốc tế tạo cơ sở pháp lý thống nhất để nội luật hóa đầy đủ các điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của Việt Nam trong thực hiện các nghĩa vụ quốc tế.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Về kinh tế, chính sách có thể làm phát sinh chi phí ngân sách cho đào tạo nhân lực, đầu tư trang thiết bị và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, đây là chi phí mang tính đầu tư phòng ngừa, giúp giảm thiểu nguy cơ xảy ra các sự cố nghiêm trọng có thể gây tổn thất rất lớn cho nền kinh tế và xã hội.

+ Về xã hội, chính sách góp phần củng cố an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, nâng cao niềm tin của xã hội vào năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước và bảo đảm lợi ích lâu dài của cộng đồng.

- Tác động về giới: Không phát sinh tác động về giới. Tuy nhiên, thông qua việc nâng cao mức độ an toàn xã hội và hiệu quả bảo vệ cộng đồng, chính sách mang lại lợi ích gián tiếp, bền vững cho cả nam và nữ, phù hợp với mục tiêu phát triển bao trùm.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không tạo ra các thủ tục hành chính mới đối với tổ chức, cá nhân. Các quy định chủ yếu tập trung vào chuẩn hóa, minh bạch hóa quy trình phối hợp và tổ chức thực hiện giữa các cơ quan nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật mà không làm gia tăng gánh nặng hành chính.

c) Giải pháp 3: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2019/NĐ-CP theo hướng quy định trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin và nội dung hợp tác quốc tế; không ban hành quy định mới ở cấp luật.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc sửa đổi nghị định không đủ để xác lập rõ ràng, ổn định và có tính ràng buộc cao về trách nhiệm, thẩm quyền và cơ chế phối hợp liên ngành; không đáp ứng yêu cầu nội luật hóa đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế theo các điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; tiếp tục phụ thuộc vào cơ chế quản lý hành chính, thiếu tính pháp lý bền vững.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Không làm phát sinh chi phí ngân sách mới trong ngắn hạn. Tuy nhiên, hiệu quả tổ chức thực hiện và hợp tác quốc tế không được cải thiện, tiềm ẩn nguy cơ bị đánh giá chưa đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế, ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế - xã hội về lâu dài.

- Tác động về giới: Không có tác động trực tiếp về giới. Việc nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật và hợp tác quốc tế chưa đạt kỳ vọng, nên tác động gián tiếp đến bảo đảm an toàn, an sinh xã hội cho các nhóm giới còn hạn chế.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không tạo được cơ sở pháp lý để chuẩn hóa, minh bạch hóa quy trình phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế. Các thủ tục tiếp tục thực hiện theo cơ chế hành chính hiện hành, thiếu tính thống nhất và ổn định.

3.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Trên cơ sở đánh giá tổng thể các tác động về pháp lý, tổ chức thực hiện, hợp tác quốc tế và kinh tế - xã hội, giải pháp 2 được đánh giá là phương án tối ưu, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật và hợp tác quốc tế về phòng, chống phổ biến WMD trong tình hình mới. *Với lý do:*

Một trong những hạn chế lớn nhất hiện nay trong công tác phòng, chống phổ biến WMD là hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật chưa cao. Trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong một số trường hợp chưa được quy định rõ ràng; cơ chế phối hợp liên ngành còn thiếu tính ràng buộc; nguồn lực cho công tác này còn phân tán.

Ngoài ra, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, yêu cầu hợp tác quốc tế về phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, cơ chế pháp lý cho hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này hiện còn thiếu thống nhất và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Giải pháp 2 được lựa chọn vì hiệu quả phòng, chống phổ biến WMD không chỉ phụ thuộc vào quy định của pháp luật mà còn phụ thuộc vào cơ chế phối hợp, cách thức tổ chức thực hiện. Do vậy, việc ban hành luật mới cho phép quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế phối hợp liên ngành mang tính ràng buộc pháp lý, bảo đảm các quy định của pháp luật được thực hiện thống nhất, hiệu quả. Đồng thời tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc tế của Việt Nam từ đó nâng cao vị thế, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế.

Chính sách 3 hướng tới các mục tiêu cụ thể sau đây: (i) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; (ii) Xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước; (iii) Tăng cường hợp tác quốc tế, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Việt Nam theo các điều ước quốc tế có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên (qua Bộ Tư pháp để thẩm định);
- Bộ trưởng BQP (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Cục Bảo vệ an ninh Quân đội/TCCT;
- Lưu: VT, CPC.Tâm...

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**